

Bản án số: **70/2022/HNGĐ- ST**

Ngày: 12 - 8 - 2022

"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Đề

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp K B, xã V, huyện An Minh, Kiên Giang; có mặt

Bị đơn: Anh Cao Thanh L, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp K B, xã V, huyện An Minh, Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19-01-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Chị N và anh L quen biết nhau trước rồi đi đến hôn nhân vào năm 2000; anh chị đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện An Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2000. Vợ chồng sống chung có 02 đứa con chung tên Cao Liêm K1, sinh ngày 29/11/2001 và Cao Duy K2, sinh ngày 16/5/2006,

hiện đang sống chung với chị N.

Vợ chồng chung sống thật sự hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình anh L khó khăn, ích kỷ, ngăn cản không cho chị N qua lại với gia đình; mỗi lần uống rượu là chửi mắng vợ con; không đưa tiền cho vợ con. Anh chị đã ly thân nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay.

Chị N khởi kiện xin ly hôn với anh L; về con chị N xin nuôi dưỡng con chưa thành niên là Cao Duy K2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chị N không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Bị đơn anh Cao Thanh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Tờ nguyện vọng đề ngày 19/01/2022 cháu Cao Duy K2 có ý kiến: sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị N được ly hôn với anh L; về con: giao chị N nuôi cháu Duy K2, anh L không cấp dưỡng nuôi con; tài sản, nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo các tài liệu gồm: xác nhận các ngày 19-01-2022 của Ban lãnh đạo ấp K B; Biên bản xác minh ngày 13/5/2022 của Tòa án cho thấy anh Cao Thanh L có nơi cư trú là ở ấp K B, xã V, huyện An Minh. Mặt khác, các tài liệu theo hồ sơ ly hôn giữa chị N với anh L được Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020 (Tòa án ra Quyết định đình chỉ số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2020) cho thấy anh L có nơi cư trú tại ấp K B, xã V. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án bị

đơn anh L cũng không có văn bản gửi Tòa án yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng theo địa chỉ nào khác nên việc tổng đạt văn bản tố tụng cho anh L theo địa chỉ ấp K B, xã V, huyện An Minh là phù hợp quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L đều vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị N và anh L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2000. Sau đó đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện An Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2000 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị N và anh L sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do anh, chị có nhiều bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về cách sống; anh L khó khăn, hay chửi mắng vợ con. Khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị N thì anh L không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh L vắng mặt không tham dự. Việc anh L không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Từ đó cho thấy giữa chị N với anh L mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung, anh chị có 02 con chung tên Cao Liêm K1, sinh ngày 29/11/2001 và Cao Duy K2, sinh ngày 16/5/2006; cháu Liêm K1 đã thành niên, cháu Duy K2 đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Thấy rằng thời gian qua cháu Duy K2 được chăm sóc tốt; anh L cũng không có ý kiến gì trong việc nuôi con; cháu Duy K2 thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Duy K2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Cao Thanh L.

2. Về con chung: Giao con chưa thành niên tên Cao Duy K2, sinh ngày 16/5/2006 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, chị N chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005267 ngày 02-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND X. V, AM, KG;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công